

CHI TIẾT CÁC SỬA ĐỔI TẠI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY- CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP 2022

TT	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi
1	Điều 1	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	Nay sửa đổi, bổ sung thêm
		Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13	Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
		Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 16/11/2019 và các văn bản liên quan;
		Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;	Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
		Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng	Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ/CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
		Quy chế này điều chỉnh những nội dung sau: • Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông; • Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên hội đồng quản trị. ...	Quy chế này điều chỉnh những nội dung sau: <u>Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc</u> • Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông; • Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên hội đồng quản trị, <u>thành viên ban kiểm soát, giám đốc;</u> ...
2	Điều 2	Giải thích thuật ngữ	Nay sửa đổi, bổ sung thêm
			13. “Người quản lý” là các thành viên hội đồng quản trị, giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng, giám đốc các chi nhánh, trưởng văn phòng đại diện của công ty và các vị trí quản lý khác trong công ty được hội đồng quản trị phê chuẩn; 14. “Người điều hành” là Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các chi nhánh, trưởng văn phòng đại diện của công ty và các vị trí quản lý khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn
3	Điều 4	Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Nay bổ sung thêm Điều 4
			1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty. đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau: a. Phê duyệt Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm; b. Phê duyệt kế hoạch phát triển dài hạn của công ty; c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm cho từng loại cổ phần.; d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát; e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; f. Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại điều lệ này. g. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. h. Quyết định việc tăng giảm vốn điều lệ công ty, trừ trường hợp nêu tại điểm f khoản này; quyết định việc bổ sung ngành nghề kinh doanh. i. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại. j. Xem xét và xử lý các vi phạm của hội đồng quản trị, ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông. k. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty. l. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập. m. Quyết định tổng mức thù lao hoặc lương của hội đồng quản trị, ban kiểm soát. n. Công ty hoặc chi nhánh của công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. o. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

TT	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi
			<p>2. Đại hội đồng cổ đông có quyền thông qua những vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a, Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty. b, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm c, Báo cáo của hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên của Hội đồng quản trị; d, Báo cáo của ban kiểm soát về công tác quản lý Công ty của hội đồng quản trị, giám đốc; e, Báo cáo tự đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát f, Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại. g, Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; h. Quyết định tổng mức thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác của hội đồng quản trị và ban kiểm soát; j, Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận để kiểm tra hoạt động của Công ty nếu xét thấy cần thiết; j, Thông qua việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của Công ty; k, Thông qua giao dịch được quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; và l, Các vấn đề khác thuộc quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 1 Quy chế này, các quy định khác của Điều lệ này và pháp luật. <p>3. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thông qua những vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm; b, Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty; c, Báo cáo của ban kiểm soát về công tác quản lý Công ty của hội đồng quản trị, giám đốc; d, Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; và e, Kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty; f, Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được quy định trong Điều lệ Công ty.
4	Điều 5		Nay bổ sung thêm Điều 5
			Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông
			<p>1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng và có thể được gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty. b. Số thành viên hội đồng quản trị giảm quá 1/3 so với số lượng thành viên hội đồng quản trị quy định tại điều lệ này. c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điều 15.3 điều lệ này. d. Theo yêu cầu của ban kiểm soát; và e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. <p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm (c) và điểm (d) khoản 3 nêu trên</p> <p>Trường hợp hội đồng quản trị không triệu tập họp đại hội đồng cổ đông như quy định thì chủ tịch hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.</p> <p>5. Trường hợp hội đồng quản trị không triệu tập họp đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 nêu trên thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, ban kiểm soát thay thế hội đồng quản trị triệu tập họp đại hội đồng cổ đông theo quy định của điều lệ này.</p> <p>Trường hợp ban kiểm soát không triệu tập họp đại hội đồng cổ đông như quy định thì trường ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.</p> <p>6. Trường hợp ban kiểm soát không triệu tập họp đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điều 15.3 điều lệ đã yêu cầu triệu tập cuộc họp có quyền thay thế hội đồng quản trị và ban kiểm soát triệu tập họp đại hội đồng cổ đông theo quy định của điều lệ công ty</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết..</p>

TT	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi
			<p>7. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>8. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp đại hội đồng cổ đông theo quy tại các khoản 4, 5 và 6 điều này sẽ được công ty hoàn lại.</p> <p>9. Các cuộc họp đại hội đồng cổ đông do chủ tịch hội đồng quản trị làm chủ tọa. Nếu chủ tịch hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền cho một thành viên hội đồng quản trị làm chủ tọa</p>
5	Điều 6	Danh sách các cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông	Nay bổ sung thêm Điều 6
			<p>1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty và khi có quyết định triệu tập cuộc họp và phải lập không sớm hơn 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ liên lạc, số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</p> <p>3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông</p>
6	Điều 8	Thông báo triệu tập đại hội đồng cổ đông	Nay sửa đổi, bổ sung:
		Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất <u>10 (mười) ngày làm việc</u> trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ.	Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất <u>21 (hai mươi một) ngày</u> trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ.
7	Điều 9	Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông	Nay bổ sung thêm Điều 9
			<p>1. Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp. Gửi thông tin danh sách cổ đông có quyền dự họp ít nhất 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điều 15.3 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân là cổ đông; tên, số giấy đăng ký kinh doanh hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>3. Chủ tọa của cuộc họp đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 nêu trên nếu có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>f. Kiến nghị được gửi đến không đúng theo quy định tại khoản 2 nêu trên này hoặc không đủ, không đúng nội dung.</p> <p>g. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của đại hội đồng cổ đông.</p> <p>h. Vấn đề kiến nghị trái với quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>4. Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 nêu trên vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điều khoản 3 nêu trên; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>
8	Điều 10	Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông	Nay bổ sung thêm Điều 10

TT	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi
			<p>1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại điều 15.1 điều lệ này thì uỷ quyền người khác dự họp đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a, Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.</p> <p>b, Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.</p> <p>c, Người được uỷ quyền dự họp đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.</p> <p>3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a, Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.</p> <p>b, Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.</p> <p>4. Quy định tại khoản 3 điều này không áp dụng nếu công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 điều này 24 (hai mươi tư) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của đại hội đồng cổ đông.</p>
9	Điều 12	Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Nay bổ sung Điều 12
			<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chỉ hợp lệ khi có số cổ đông hoặc đại diện cho nhóm cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp của đại hội đồng cổ đông tiến hành lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi ngày) kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, cuộc họp đó được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 66% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp đại hội đồng cổ đông phải triệu tập lần thứ ba, thì cuộc họp đó luôn được tiến hành, không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện.</p> <p>4. Chỉ có đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại điều 24.1 Điều lệ công ty.</p>
10	Điều 13	Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Nay bổ sung Điều 13
			<p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại các cuộc họp, hoặc bằng văn bản có chữ ký của tất cả cổ đông hoặc bằng cách lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p> <p>2. Quyết định của đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ::</p> <p>a. Sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty;</p> <p>b. Thông qua định hướng phát triển công ty;</p> <p>c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát;</p> <p>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>f. Quyết định thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;</p> <p>g. Tổ chức lại, giải thể công ty.</p> <p>h. Quyết định chia cổ tức hàng năm bằng tiền hoặc cổ phiếu.</p>
11	Điều 16	Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua	Nay bổ sung Điều 16

TT	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi
			<p>1. Quyết định của đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a, Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;</p> <p>b, Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất thì phải được cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;</p> <p>c, Việc biểu quyết bầu thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>3. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận;</p> <p>4. Nghị quyết về những thay đổi bất lợi đối với quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông nắm giữ ít nhất 75% số cổ phần ưu đãi tham gia họp và biểu quyết tán thành. Trường hợp thông qua nghị quyết bằng văn bản hoặc biểu quyết vắng mặt thì nghị quyết đó cần ít nhất 75% cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi thông qua.</p> <p>5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày quyết định được thông qua. Có thể thay thế việc gửi các tài liệu này bằng việc công bố thông tin trên website công ty.</p>
12	Điều 18	<p>Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ</p> <p>2. <u>Mặc dù đã thông báo ở trên, các biên bản bao gồm kết quả kiểm phiếu của cuộc họp ĐHĐCĐ phải gửi cho mọi cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi bế mạc đại hội.</u></p> <p>Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, thành viên HĐQT, thành viên BKS, giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điều 16.3 của điều lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung của nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và công bố quyết định của ĐHĐCĐ không tuân thủ LDN và điều lệ, trừ trường hợp quy định tại điều 28.4 điều lệ.</p> <p>b. Nội dung của nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc điều lệ.</p> <p>Trong trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng 60 (sáu mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại LDN và Điều lệ này.</p> <p><u>Trường hợp cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ như đề cập tại điều 31 điều lệ, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài đưa ra quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</u></p>	<p>Nay sửa đổi, bổ sung thêm</p> <p>2. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điều 15.3 của điều lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung của nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và công bố quyết định của ĐHĐCĐ không tuân thủ LDN và điều lệ.</p> <p>b. Nội dung của nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc điều lệ.</p> <p>Trong trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng 60 (sáu mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại LDN và Điều lệ này.</p>
13	Điều 19	<p>Lập biên bản họp ĐHĐCĐ</p> <p>1. Biên bản họp và biên bản kiểm phiếu phải được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh</p> <p>2. Chủ toạ và ban thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản.</p>	<p>Nay sửa đổi, bổ sung thêm</p> <p>1. Biên bản họp và biên bản kiểm phiếu phải được lập bằng tiếng Việt.</p> <p>2. Chủ toạ, thư ký cuộc họp và những người khác ký tên trong biên bản phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản.</p>
14	Điều 21	<p>Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p>	<p>Nay sửa đổi, bổ sung thêm</p>

TT	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi
		<p>1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty trừ các nội dung sau:</p> <p>a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của điều lệ;</p> <p>b. Định hướng phát triển công ty;</p> <p>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;</p> <p>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>g. Tổ chức lại, giải thể công ty.</p>	Bỏ
		4. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty...	4. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty...
15	Điều 22	Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến	Nay bổ sung thêm Điều 22
			<p>1. Ngoài hình thức họp trực tiếp, Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tuyến hoặc hình thức kết hợp giữa họp trực tiếp và hội nghị trực tuyến trong trường hợp Hội đồng quản trị xét thấy việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức họp trực tiếp không thuận tiện và / hoặc không phù hợp.</p> <p>2. Trường hợp Hội đồng quản trị quyết định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức nêu trên, Hội đồng quản trị sẽ ban hành và công bố Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức Hội nghị trực tuyến trước ngày họp trên trang thông tin điện tử của Công ty, với các nội dung cơ bản sau:</p> <p>a, Hướng dẫn cụ thể trình tự, thủ tục tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức họp trực tuyến hoặc các hình thức tương đương khác;</p> <p>b, Cơ chế biểu quyết điện tử, gửi phiếu biểu quyết đến Đại hội đồng cổ đông bằng phương thức điện tử hoặc các hình thức biểu quyết tương đương khác cho phép cổ đông thực hiện quyền biểu quyết của mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức bằng hình thức họp trực tuyến.</p> <p>c, Các nội dung khác có liên quan</p>
16	Điều 23	Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Nay bổ sung thêm Điều 23

TT	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi
			<p>Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty. 2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại. 3. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại đã được đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác. 4. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại điều 17.2 điều lệ; quyết định việc góp vốn, mua, bán cổ phần và trái phiếu của doanh nghiệp khác. 5. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty. 6. Quyết định đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật có giá trị từ 05% đến dưới 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; quyết định nhượng bán, thanh lý tài sản có giá trị còn lại hoặc giá thị trường đối với các tài sản đã hết khấu hao từ 01 (một) tỷ đồng đến dưới 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. 7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các giao dịch, hợp đồng quy định tại điểm e và điểm n điều 4.2 Quy chế này. 8. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và các lợi ích khác của giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng, giám đốc chi nhánh, trưởng văn phòng đại diện của công ty trên cơ sở đề xuất của giám đốc công ty; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. 9. Quyết định quy mô, cơ cấu tổ chức, định biên lao động của công ty, ban hành những quy chế quản lý công ty bao gồm: quy chế nội bộ về quản trị công ty và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua), quy chế công bố thông tin, quy chế quản lý tài chính, quy chế đầu tư, quy chế phân cấp quản lý công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, quy chế khen thưởng - kỷ luật và các quy chế cần thiết khác.
			<ol style="list-style-type: none"> 10. Quyết định thành lập, hợp nhất và chia tách công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; liên doanh, liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước. Quyết định xếp hạng doanh nghiệp đối với công ty con và chi nhánh trực thuộc. 11. Giám sát, chỉ đạo giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty. 12. Trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo: <ul style="list-style-type: none"> • Báo cáo về tình hình kinh doanh của công ty. • Báo cáo tài chính. • Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty. • Báo cáo trích lập sử dụng các quỹ và mức cổ tức hàng năm. • Xây dựng quy định nội bộ về quản trị doanh nghiệp của công ty để trình đại hội đồng cổ đông phê duyệt. 13. Quyết định tạm ứng cổ tức phù hợp với tình hình thực tế của công ty và mức cổ tức cả năm đã được đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Tổ chức việc phân phối lợi nhuận và thành lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế theo phương án đã được đại hội đồng cổ đông thông qua. 14. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục bỏ phiếu bằng văn bản. 15. Kiến nghị với đại hội đồng cổ đông trong việc tổ chức lại, phá sản, giải thể công ty. 16. Kiến nghị với đại hội đồng cổ đông việc sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty khi cần thiết. 17. Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch giữa công ty và chi nhánh của công ty ký kết với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị nhỏ hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. 18. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại điều lệ này và pháp Luật
17	Điều 24	Nhiệm kỳ và thành viên Hội đồng quản trị	Nay bổ sung thêm điều 24
			<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhiệm kỳ của hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Thành viên hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. Số lượng thành viên hội đồng quản trị là 05 (năm) người. Tổng số thành viên không điều hành phải chiếm ít nhất (1/3) một phần ba tổng số thành viên hội đồng quản trị.
18	Điều 26	Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề của người vào vị trí thành viên HĐQT	Nay sửa đổi, bổ sung thêm

TT	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi
		Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng ..	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên..
19	Điều 28	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT	Nay sửa đổi, bổ sung thêm
		Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau: b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của công ty d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng, và trong thời gian này HĐQT không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;	Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau: b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của công ty và được chấp thuận. d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng, <u>trừ trường hợp bất khả kháng</u> i. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ.
20	Điều 31	Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch hội đồng quản trị	Nay bổ sung thêm Điều 31
			Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên hội đồng quản trị để bầu ra một chủ tịch. Vị trí chủ tịch hội đồng quản trị được đề cử bởi công ty cổ phần Container Việt Nam.
21	Điều 32	Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Nay bổ sung thêm Điều 32
			1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên hội đồng quản trị, giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tổng mức thù lao và tiền thưởng cho các thành viên hội đồng quản trị do đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề nghị của hội đồng quản trị. Mức thù lao, tiền thưởng cho từng thành viên được phân phối theo quyết định của hội đồng quản trị. 2. Thành viên hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của hội đồng quản trị, hoặc đại hội đồng cổ đông. 3. Thù lao của thành viên hội đồng quản trị và tiền lương của giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty, phải báo cáo đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên
22	Điều 33	Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị tối thiểu	Nay bổ sung thêm Điều 33
			1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. 2. Cuộc họp định kỳ của hội đồng quản trị do chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
23	Điều 34	Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường	Nay bổ sung thêm Điều 34
			1. Chủ tịch hội đồng quản trị phải triệu tập họp hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây: a, Có đề nghị của ban kiểm soát; b, Có đề nghị của giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác; c, Có đề nghị của ít nhất một thành viên hội đồng quản trị; Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của hội đồng quản trị. 2. Chủ tịch hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp hội đồng quản trị trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 điều này. Trường hợp chủ tịch không triệu tập họp hội đồng quản trị theo đề nghị thì chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty và người đề nghị có quyền thay thế hội đồng quản trị triệu tập họp hội đồng quản trị.
24	Điều 35	Thông báo họp Hội đồng quản trị	Nay sửa đổi, bổ sung thêm
		1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT và các kiểm soát viên ít nhất 10 ngày trước khi tổ chức họp	1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT và các kiểm soát viên ít nhất 03 ngày trước khi tổ chức họp
25	Điều 36	Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát	Nay bổ sung thêm Điều 36
			Thành viên ban kiểm soát, giám đốc không phải là thành viên hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
26	Điều 40	Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị	Nay bổ sung thêm Điều 40

TT	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi
			Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên hội đồng quản trị chấp thuận và theo yêu cầu của người được ủy quyền dự họp của thành viên đó.
27	Điều 41	Biên bản họp Hội đồng quản trị	Nay bổ sung thêm Điều 41
			2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.
28	Điều 43	Bổ nhiệm và miễn nhiệm Thư ký kiêm người phụ trách quản trị công ty	Nay bổ sung thêm Điều 43
			<p>1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một người làm thư ký công ty với nhiệm kỳ và điều khoản theo quyết định của hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm thư ký công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty đồng thời giữ vị trí người phụ trách quản trị công ty – người có vai trò và nhiệm vụ giống như thư ký được quy định dưới đây và không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được công nhận đang kiểm toán báo cáo tài chính của công ty. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều trợ lý thư ký công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>2. Vai trò và nhiệm vụ của thư ký công ty và người phụ trách quản trị công ty:</p> <p>a, Tổ chức các cuộc họp của hội đồng quản trị, ban kiểm soát và đại hội đồng cổ đông theo lệnh của chủ tịch hội đồng quản trị hoặc ban kiểm soát.</p> <p>b, Làm biên bản các cuộc họp.</p> <p>c, Tư vấn về các thủ tục các cuộc họp.</p> <p>d, Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của hội đồng quản trị và ban kiểm soát.</p> <p>e, Hỗ trợ thành viên hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p>f, Hỗ trợ hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</p> <p>g, Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;</p> <p>h, Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</p> <p>i, Các quyền và nghĩa vụ khác tùy vào quyết định của chủ tịch hội đồng quản trị tại từng thời điểm.</p> <p>j, Có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và điều lệ công ty</p>
29	Điều 44	Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	Nay bổ sung thêm Điều 44

TT	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi
			<p>Ban kiểm soát có các vai trò, quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thực hiện giám sát hội đồng quản trị, giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của hội đồng quản trị trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo đánh giá công tác quản lý của hội đồng quản trị lên đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điều 15.3 điều lệ công ty. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điều 15.3 điều lệ công ty, ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. Kiến nghị hội đồng quản trị hoặc đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. Khi phát hiện có thành viên hội đồng quản trị, giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Tham dự phiên họp của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết. Không được tiết lộ bí mật của công ty. Ban kiểm soát có thể sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao; tham khảo ý kiến của hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên đại hội đồng cổ đông. <ol style="list-style-type: none"> Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các tổ chức kiểm toán được công nhận sẽ kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; Quyết định tổ chức kiểm toán được công nhận kiểm toán hoạt động của Công ty; bãi miễn các kiểm toán viên được công nhận nếu cần thiết. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về công tác kiểm soát của Ban kiểm soát. Kiểm soát tình hình tài chính của Công ty, sự tuân thủ trong hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác. Phối hợp với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông. Khi phát hiện (các) hành vi vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty do một thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc người quản lý khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ và yêu cầu người đó ngừng thực hiện (các) vi phạm và khắc phục hậu quả. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Báo cáo trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Có thể tiếp cận các tài liệu của Công ty được lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và các địa điểm khác; vào địa điểm làm việc của cán bộ quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ hành chính. Yêu cầu hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người quản lý khác cung cấp thông tin, tài liệu chính xác, đầy đủ và kịp thời về hoạt động quản lý và hoạt động của công ty. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại điều lệ này, luật doanh nghiệp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
30	Điều 45	Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát	Nay bổ sung thêm Điều 45
			<ol style="list-style-type: none"> Nhiệm kỳ của ban kiểm soát cùng nhiệm kỳ với thành viên hội đồng quản trị và được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên được bổ nhiệm, miễn nhiệm bởi Đại hội đồng cổ đông. Hơn một nửa số thành viên Ban kiểm soát phải thường trú tại Việt Nam
31	Điều 46	Tiêu chuẩn Kiểm soát viên	Nay sửa đổi, bổ sung thêm
		Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc người quản lý khác	1. Không phải là <u>người có liên quan</u> với thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc hoặc người quản lý khác
32	Điều 47	Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên	Nay sửa đổi, bổ sung thêm

TT	Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi
		Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng ..	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên ..
33	Điều 51	Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	Nay bổ sung thêm điều 51 1. Thành viên ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát 2. Thành viên ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 3. Thù lao và chi phí hoạt động của ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty.
34	Điều 31	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Bỏ
35	Điều 56	Vai trò, quyền và trách nhiệm của Giám đốc công ty	Nay bổ sung thêm Điều 56 Giám đốc công ty là người đại diện theo pháp luật của công ty. Giám đốc công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: 1. Điều hành và quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của hội đồng quản trị; 2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của hội đồng quản trị. Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của chủ tịch và các thành viên hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái điều lệ và trái nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho ban kiểm soát biết và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình; 3. Xây dựng và trình hội đồng quản trị chuẩn y chiến lược phát triển kế hoạch dài hạn, trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty; 4. Quyết định đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật có giá trị dưới 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; quyết định nhượng bán, thanh lý tài sản có giá trị còn lại hoặc giá thị trường đối với những tài sản đã hết khấu hao dưới 01 (một) tỷ đồng; 5. Kiến nghị phương án, cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý không thuộc thẩm quyền của mình với hội đồng quản trị và quyết định cơ cấu tổ chức và các quy chế quản lý nội bộ thuộc thẩm quyền của mình; 6. Đề xuất trình hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương, phụ cấp của các phó giám đốc, kế toán trưởng, giám đốc chi nhánh, trưởng văn phòng đại diện của công ty; 7. Quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, mức lương hoặc ủy quyền cho phó giám đốc công ty, giám đốc chi nhánh thực hiện đối với tất cả các chức danh khác còn lại trong công ty đồng thời phải báo cáo hội đồng quản trị; 8. Tuyển dụng, ký hợp đồng lao động, cho thôi việc, khen thưởng, kỷ luật, quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty, trừ các chức danh do hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức; 9. Đề xuất việc cử cán bộ đi công tác, đào tạo, du lịch tại nước ngoài theo các quy định của pháp luật và điều lệ này; 10. Ký và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự với khách hàng. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc ký kết, thực hiện các hợp đồng đó; 11. Báo cáo tình hình tài chính và tình hình hoạt động kinh doanh của công ty tại các cuộc họp hội đồng quản trị; đề nghị hội đồng quản trị giải quyết các vấn đề phát sinh vượt quá quyền hạn của mình; 12. Thay mặt công ty quản lý toàn bộ tài sản, chịu trách nhiệm về các hoạt động kinh doanh của công ty theo quy định của Nhà nước và phân cấp của hội đồng quản trị; 13. Chịu trách nhiệm cá nhân về những tổn thất do hành vi vi phạm quy trình quản lý điều hành Công ty do mình gây ra; 14. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố. . . và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho hội đồng quản trị biết; 15. Trường hợp giám đốc không phải là thành viên hội đồng quản trị thì vẫn được tham dự các phiên họp hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết và bỏ phiếu; và 16. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo nghị quyết của hội đồng quản trị, quy định của điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
36	Điều 57	Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc	Nay bổ sung thêm Điều 57 1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. 2. Tiền lương của giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty, phải báo cáo đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên

Lý do sửa đổi, bổ sung
Cập nhật văn bản pháp luật có hiệu lực (sau đây gọi là LDN)
Cập nhật văn bản pháp luật có hiệu lực (sau đây gọi là LCK)
Cập nhật văn bản pháp luật có hiệu lực (sau đây gọi là Nghị định 155/2020)
Cập nhật văn bản pháp luật có hiệu lực (sau đây gọi là Thông tư 116/2020)
Điều 1.1 Quy chế nội bộ về quản trị công ty mẫu tại Thông tư 116/2020 (Sau đây gọi là Quy chế mẫu)
Bổ sung phù hợp với Điều lệ công ty
Điều 2.1 Quy chế mẫu; Điều 20 Điều lệ công ty

Lý do sửa đổi, bổ sung

Điều lệ Công ty

Điều 2.2 Quy chế mẫu, Điều 21
Điều lệ Công ty

Lý do sửa đổi, bổ sung
Điều 2.2 Quy chế mẫu, Điều 22 Điều lệ công ty
Phù hợp LDN
Điều 2.2 Quy chế mẫu, Điều 23 Điều lệ công ty

Lý do sửa đổi, bổ sung
Điều 2.2 Quy chế mẫu, Điều 25 Điều lệ công ty
Điều 2.2.h Quy chế mẫu, Điều 26 Điều lệ công ty
Điều 2.2.i Quy chế mẫu, Điều 28.1, 28.2 Điều lệ công ty

Lý do sửa đổi, bổ sung
Điều 2.2.m Quy chế mẫu, Điều 28.3.4.5.6 Điều lệ công ty
Điều 31 Điều lệ công ty
Điều 27.2 Điều lệ công ty

Lý do sửa đổi, bổ sung
Điều 29.1, 29.2 Điều lệ công ty
Điều 2.4,2.5 Quy chế mẫu

Lý do sửa đổi, bổ sung

Điều 32 Điều lệ công ty

Điều 3.2a Quy chế mẫu, Điều
32.2,32.3 Điều lệ

Lý do sửa đổi, bổ sung
Điều lệ
Điều 3.2.đ Quy chế mẫu
Điều 3.2.h Quy chế mẫu, Điều 34.1, 33.6 Điều lệ công ty
Điều 3.3 Quy chế mẫu, Điều 39 Điều lệ công ty
Điều 3.4.a Quy chế mẫu, Điều 35.2 và 35.3 Điều lệ công ty
Điều 3.4.b Quy chế mẫu, Điều 35.4,35.5 Điều lệ
Phù hợp tình hình thực tế
Điều 3.4.d Quy chế mẫu, Điều 35.7 Điều lệ

Lý do sửa đổi, bổ sung
Điều 3.4.h Quy chế mẫu, Điều 35.10 Điều lệ
Điều 3.4.k Quy chế mẫu, Điều 158 Luật Doanh nghiệp
Điều 3.7 Quy chế mẫu, Điều 40 Điều lệ công ty

Lý do sửa đổi, bổ sung

**Điều 4.1 Quy chế mẫu, Điều 47
Điều lệ công ty**

Điều 4.2.a Quy chế mẫu, Điều 46
Điều lệ công ty

Lý do sửa đổi, bổ sung
<p data-bbox="1279 331 1685 403">Điều 4.2.g Quy chế mẫu, Điều 49 Điều lệ công ty</p>
<p data-bbox="1279 520 1685 562">Phù hợp Điều lệ công ty</p>
<p data-bbox="1279 1171 1685 1243">Điều 5.1 Quy chế mẫu, Điều 36.4,38 Điều lệ công ty</p>
<p data-bbox="1279 1915 1685 1986">Điều 5.2.e Quy chế mẫu, Điều 39 Điều lệ</p>